| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ ĐẠI ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 534/BC-UBND | *Đại Đồng, ngày 07 tháng 10 năm 2026* |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ
## Về việc thực hiện chính sách, pháp luật về Chuyển đổi số để thể chế hóa Nghị quyết 57-NQ/TW giai đoạn 2024-2026 trên địa bàn xã Đại Đồng

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Công văn số 6722/UBND-KGVX ngày 02/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc xây dựng báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề về việc ban hành, thực hiện chính sách, pháp luật về Chuyển đổi số theo Nghị quyết 57-NQ/TW của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Thực hiện Công văn số 3800/SKHCN-CĐSBCVT ngày 07/10/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên về phối hợp báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề về việc ban hành, thực hiện chính sách, pháp luật về Chuyển đổi số theo Nghị quyết 57-NQ/TW của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng báo cáo tình hình về việc thực hiện chính sách, pháp luật về Chuyển đổi số để thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã như sau:

## PHẦN 1
## TÌNH HÌNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### I. VỀ THỂ CHẾ HÓA VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

#### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt

#### a) Việc thành lập, kiện toàn và hoạt động của Ban chỉ đạo xã

- Năm 2025, UBND xã đã xây dựng và ban hành các Quyết định: Số 30/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 về việc thành lập Ban chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06; số 04/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 về việc thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính xã Đại Đồng; số 29/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 về việc thành lập Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng; số 37/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng).

- Để việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đảm bảo tính thường xuyên liên tục, UBND xã đã thường

xuyên, rà soát, kịp thời kiện toàn Ban chỉ đạo khi có sự thay đổi về nhân sự, Quyết định: Số 72/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 về kiện toàn Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng; số 74/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 về kiện toàn Ban chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06; số 156/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 về kiện toàn Tổ ứng cứu Công nghệ và Nghiệp vụ hỗ trợ, giải quyết thủ tục hành chính xã Đại Đồng; số 246/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 về kiện toàn Ban chỉ đạo của UBND xã về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06.

- Tháng 7/2026, theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, nhằm kịp thời chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã, UBND xã đã xây dựng và ban hành các văn bản kiện toàn BCĐ xã như sau:

+ Quyết định số 452/QĐ-CTUBND ngày 22/7/2026 của Chủ tịch UBND xã về kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 của xã Đại Đồng.

+ Quyết định số 01/QĐ-BCĐCĐS ngày 22/7/2026 của Ban chỉ đạo xã về thành lập Tổ giúp việc của Ban chỉ đạo xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 xã Đại Đồng.

+ Quyết định số 02/QĐ-BCĐCĐS ngày 22/7/2026 của Ban chỉ đạo xã về ban hành Quy chế hoạt động của BCĐ xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính, Đề án 06 của xã Đại Đồng.

- Từ khi được thành lập, kiện toàn đến nay, Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ của xã đã hoạt động hiệu quả, triển khai tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của các cấp, ngành giao, cơ bản được đảm bảo nội dung, tiến độ, chất lượng sản phẩm.

**b) Số phiên họp, kết luận, trách nhiệm người đứng đầu**

- Ban chỉ đạo phát triển khoa hoc, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xã đã triệu 09 cuộc họp theo kỳ (có Giấy mời) và 10 cuộc họp đột xuất hoặc lồng ghép cùng với cuộc họp thành viên UBND xã; tổ giúp việc Ban chỉ đạo đã triển khai những cuộc họp theo trách nhiệm, nhiệm vụ được giao giúp việc Ban chỉ đạo xã. Qua các cuộc họp, Ban chỉ đạo xã đã nghiêm túc đánh giá kết quả đạt được trong công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xã gắn với trách nhiệm của người đứng đầu (người đứng đầu Ban chỉ đạo, người đứng đầu các phòng, ngành, đơn vị xã); chỉ ra những bất cập, tồn tại trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xã. Từ những kết quả đã đạt được, từ những khó khăn, tồn tại, Ban chỉ đạo xã đã quán triệt, định hướng, giao nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo, đồng thời nhấn mạnh, những nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện, cần hoàn thành, đặc biệt giao trách nhiệm cho người đứng đầu gắn với kết quả đạt được trong công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xã.

- Ban chỉ đạo xã đã ban hành 06 Thông báo, kết luận cho những cuộc họp, có những cuộc họp được kết luận tại chỗ, tại thời điểm họp bởi đồng trí Trưởng Ban chỉ đạo xã. Các thành viên trong Ban chỉ đạo xã, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo xã tham gia họp đông đủ, đúng giờ, tích cực ghi chép và phát biểu ý kiến tại Hội nghị họp.

**2. Kết quả thể chế hóa**

Nhằm cụ thể hóa những nhiệm vụ của Trung ương, của Tỉnh giao, UBND xã đã ban hành tổng số 344 văn bản (Quyết định, Kế hoạch, Công văn,...), để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Cụ thể:

*(Theo Phụ lục 01 - Danh mục văn bản ban hành đính kèm)*

Qua việc ban hành văn bản, giao nhiệm vụ cho các phòng, ngành, đơn vị thực hiện, căn cứ tình hình thực tiễn địa phương, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng đã tuyên truyền, quán triệt, phổ biến, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo tới cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị xã. Triển khai nhiệm vụ tại cuộc họp thành viên ủy ban, giao ban, tập huấn, họp nội dung công việc theo từng ngành, đơn vị,... Thực hiện chỉ đạo, giao nhiệm vụ trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành chung của xã; chỉ đạo trên các nền tảng mạng xã hội hợp pháp (thành lập nhóm zalo công việc) điều hành chỉ đạo tích cực sử dụng hòm thư điện tử công vụ trong tiếp nhận, xử lý, trao đổi công việc với cấp trên, cùng cấp theo quy định (trừ những văn bản, nhiệm vụ mật theo quy định). Qua công tác chỉ đạo, điều hành sát sao, nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp và đáp ứng yêu cầu của hoạt động mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo theo quy định.

Nhằm thúc đẩy triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, UBND xã đã chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội, Công an xã chủ động phối hợp, đưa các nhiệm vụ chuyển đổi số vào Kế hoạch, Chương trình công tác hằng năm của xã, của các cơ quan, đơn vị, trường học, gắn với thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về cải cách hành chính, thực hiện Đề án 06 và phát triển kinh tế - xã hội.

**3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao**

Trong thời gian qua, UBND xã luôn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về Chuyển đổi số đã được các cấp, ngành giao tại các văn bản của Trung ương, của Tỉnh. Cụ thể:

*(Phụ lục 2 - Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao)*

## II. HUY ĐỘNG VÀ PHÂN BỔ NGUỒN LỰC CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ

### 1. Nguồn kinh phí được cấp đầu năm 2026

*** Được cấp:** 2.540.000.000 đồng, gồm:

- Kinh phí tập huấn: 300 triệu đồng;
- Kinh phí Hạ tầng CNTT (mạng LAN,...): 850 triệu đồng;

- Kinh phí triển khai 02 mô hình ứng dụng công nghệ: 1.030 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Chuyển đổi số giáo dục: 360.000.000 đồng.

*** Tình hình sử dụng, giải ngân nguồn kinh phí đầu năm**

- Đã hoàn thành chi nhiệm vụ tập huấn: 300.000.000 đồng.

- Đã hoàn thành chi nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục: 360.000.000 đồng.

- Đã hoàn thành chi nhiệm vụ đầu tư mạng LAN: 850.000.000 đồng.

- Kinh phí triển khai mô hình ứng dụng khoa học công nghệ: Xã triển khai 02 mô hình (mô hình nuôi gà Đông Tảo và mô hình trồng khoai tây). Đến nay, mô hình nuôi gà Đông Tảo với kinh phí là 505.000.000 đồng đã hoàn thành, còn mô hình trồng khoai tây với kinh phí là 525.000.000 đồng, đang triển khai.

*** Kinh phí hoàn thành là: 2.015.000.000 đồng/2.540.000.000 đồng, đạt tỷ lệ 79,33%.**

**2. Nguồn kinh phí cấp bổ sung theo Quyết định 2322 của UBND tỉnh**

*** Được cấp: 1.550.000.000, gồm:**

- Đầu tư, nâng cấp mạng LAN: 1.200.000.000 đồng.

- Hệ thống zalo mini app: 200.000.000 đồng.

- Wifi công cộng: 150.000.000 đồng.

*** Tình hình sử dụng giải ngân:**

- Đã hoàn thành nhiệm vụ wifi công cộng : 150.000.000 đồng.

(Đang hoàn thiện chứng từ, hồ sơ thanh quyết toán)

- Đã hoàn thành nhiệm vụ zalo mini app: 200.000,000 đồng.

- Đang triển khai nhiệm vụ nâng cấp mạng LAN:1.200.000.000 đồng (Đã ban hành các Quyết định, thực hiện đăng thầu công khai theo quy định,...).

*** Kinh phí đã hoàn thành là: 350.000.000 đồng/1.550.000 đồng, đạt tỷ lệ 22,58%.**

**3. Nguồn nhân lực Chuyển đổi số**

- Để kịp thời triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hiệu quả, UBND xã đã bố trí 01 đồng chí Phó trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (đã ban hành Quyết định giao chuyên trách thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số của xã).

- UBND xã đã chỉ đạo các phòng, ngành, đơn vị thuộc xã cử cán bộ đầu mối phụ trách công tác chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị; đã tiến hành rà soát, lập danh sách gửi tỉnh báo cáo về nhân lực phụ trách triển khai công tác chuyển đổi số toàn xã; đã rà soát, lập danh sách cử đầu mối phụ trách khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gửi tỉnh;

- Đã cử 01 công chức Phòng Văn hóa - Xã hội theo học văn bằng 2, chuyên ngành CNTT do Sở Nội vụ tỉnh tham mưu, triệu tập. Qua đó, cơ bản góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

## III. PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ

### 1. Hạ tầng số

Hạ tầng CNTT được ưu tiên phát triển nhanh, phát triển trước để đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã. UBND xã đã phối hợp cùng các đơn vị doanh nghiệp viễn thông - CNTT nâng cấp đường truyền mạng internet băng rộng cáp quang tại các cơ quan nhà nước và 100% các thôn, làng (tính cả các hộ dùng chung gói cước); đã đầu tư, mua sắm trang thiết bị máy móc CNTT cho hoạt động của các cơ quan nhà nước, đảm bảo thông suốt, đặc biệt ưu tiên đầu tư cho hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã được trang bị thiết bị, hạ tầng công nghệ (08 máy tính, 01 máy phô tô và scan tài liệu, 05 máy scan A4, A3, 06 máy in, 01 máy lấy số tự động kết hợp màn hình hiển thị tra cứu thông tin, 02 màn hình led hiển thị thông tin, 01 màn hình hiển thị số thứ tự, 05 màn hình theo dõi thông tin, 01 kios thông minh, mạng wifi riêng,...), cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đã hoàn thành nâng đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng nội bộ (mạng LAN), đầu tư, mua sắm các trang thiết bị đầu cuối, máy tính,... cho cán bộ, công chức, viên chức và các thôn, để thực thi nhiệm vụ theo quy định. Xã hiện có 01 kênh truyền số liệu chuyên dùng, đã đăng ký thêm TSLCD vào năm 2027. Hạ tầng CNTT phục vụ Hội nghị trực tuyến hoạt động ổn định; hệ thống camera của xã phát huy hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, kiểm soát người ra, vào trụ sở liên hệ công việc; đã kết nối, phủ sóng 4G đến 100% số thôn, làng trên địa bàn; trên 90% người dân trong độ tuổi trưởng thành có điện thoại thông minh có kết nối 3G,4G, định hướng phủ sóng 5G.

### 2. Thiết bị đầu cuối, máy tính

Quý 3/2026, UBND xã Đại Đồng đã bố trí nguồn kinh phí trên 900.000.000 đồng để mua sắm trang thiết bị đầu cuối, máy tính cho công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ; bố trí hơn 200.000.000 đồng để đầu tư lắp màn hình họp trực tuyến cho các thôn trong xã. Đến hiện tại, xã Đại Đồng đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ cung cấp trang thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ, hiện xã có 31/35 CBCC có máy tính, thiết bị làm việc cơ bản đạt yêu cầu, đạt 89%, còn lại 04/35 CBCC có máy tính thiết bị làm việc ổn định, nhưng chưa đạt theo yêu cầu quy định.

### 3. Dữ liệu số

- UBND xã đã ban hành các văn bản (Quyết định, Kế hoạch, Công văn) để chỉ đạo, khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử; thực hiện làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa các dữ liệu thuộc 12 CSDL chuyên ngành (Y tế, giáo dục, đất đai, dân cư, hộ tịch - tư pháp, khám chữa bệnh,...). Đến nay, cơ bản các nguồn dữ liệu đảm bảo bảo đúng - đủ - sạch - sống và dùng chung. UBND xã đã có văn bản đề xuất nhu cầu được sử dụng, khai thác dữ liệu của các sở, ngành, liên quan để phục vụ nhiệm

vụ quản trị, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Việc kết nối, đồng bộ và sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung thường xuyên được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giảm thời gian xử lý thủ công, hạn chế việc nhập liệu thủ công dễ bị trùng lặp khi giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ được dữ liệu từ cấp cơ sở dữ liệu quốc gia, của các bộ, ngành, đảm bảo theo phân quyền truy cập, tuân thủ các quy định về an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo nguyên tắc đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung. Hiện nay, xã đang thực hiện, khai thác các nhóm dữ liệu dùng chung như: cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh về hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, phần mềm quản lý văn bản và điều hành; cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành về dữ liệu hộ tịch tư pháp, lao động, thương binh và xã hội, y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội,...

**4. Nền tảng số**

Hiện tại UBND xã đang vận hành, khai thác, sử dụng các nền tảng thuộc danh mục nền tảng số dùng chung cho các ngành lĩnh vực, như: Cổng dịch vụ công quốc gia; nền tảng VNeID; nền tảng định danh xác thực điện tử; trục liên thông văn bản; nền tảng chia sẻ dữ liệu, nền tảng tích hợp dữ liệu, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống một cửa liên thông, hệ thống mạng thấu thầu quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nội vụ, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp,... Hệ thống xác thực tập trung SSO, hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

**5. Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến**

- Hoàn thành việc tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia với 452 TTHC cấp xã đã được UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia (bao gồm cả các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Công an).

- Đã cấu hình và thiết lập tài khoản cho 100% cán bộ, công chức thuộc UBND xã trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Hưng Yên phục vụ cho việc tiếp nhận và giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp.

- Đảm bảo duy trì và cung cấp 25 dịch vụ công thiết yếu đã tích hợp trên cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Từ ngày 10/9/2025 đảm bảo 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Kết quả: Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/9/2026 tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ tại Trung tâm phục vụ HCC là 10.208 hồ sơ, trong đó:

- Số hồ sơ trực tuyến là 9.505, tỉ lệ 93,11%;

- Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp là 703 hồ sơ, tỉ lệ 6,89.

- Số hồ sơ đã giải quyết 10.037/10.208 hồ sơ, tỉ lệ 98,3%;

+ Hồ sơ đúng hạn: 9.971/10.037 hồ sơ, đạt 99,3%;

+ Hồ sơ quá hạn: 66/10.037 hồ sơ, chiếm tỷ lệ 0,7%;

+ Hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết: 175/10.208 hồ sơ, tỉ lệ 1,7%

- Tỷ lệ số hóa kết quả là 99,69%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia đạt 99,3%.

- Các lĩnh vực có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cao, thấp:

+ Cơ sở dữ liệu dân cư, TTHC: Tiếp nhận và xử lý 100% hồ sơ.

+ Cơ sở dữ liệu về đăng ký kinh doanh: Tiếp nhận, xử lý 680/680 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

+ Cơ sở dữ liệu đất đai: Tiếp nhận, xử lý 534/535 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,8%.

+ Cơ sở dữ liệu về bảo trợ xã hội: Tiếp nhận, xử lý 585/599 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,7%.

+ Cơ sở dữ liệu về người có công: Tiếp nhận, xử lý 78/80 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,5%.

+ Cơ sở dữ liệu hộ tịch: Tiếp nhận, xử lý trực tuyến 2.127/2.203 hồ sơ hộ tịch (khai sinh, khai tử, kết hôn), đạt 96,6%.

- UBND xã chỉ đạo Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã phối hợp Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Đoàn thanh niên, Tổ công nghệ số cộng đồng các thôn hướng dẫn, hỗ trợ người dân tạo tài khoản, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến với tổng số 9.505 lượt hồ sơ trực tuyến.

## IV. PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

### 1. Kinh tế số

Hiện nay, thực trạng môi trường thương mại điện tử của xã Đại Đồng đã và đang phát triển khá mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng khá cao nhờ sự bùng nổ của thương mại điện tử di động, sự ứng dụng công nghệ thông minh và hình thức thanh toán không dùng tiêng mặt. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng cao, nhiều doanh nghiệp, cá nhân và hộ kinh doanh trong xã đã và đang tham gia hoạt động thương mại điện tử trên một số sàn giao dịch và chủ yếu trên các nền tảng mạng xã hội (zalo, facebook,...). 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể khi xuất hóa đơn giao dịch đều là hóa đơn điện tử.

UBND xã đã tập trung, lồng ghép tuyên truyền tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn xã tham gia chương trình SMEdx, sử dụng nền tảng số, sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử, ... trong các hoạt động kinh doanh; đẩy mạnh tuyên truyền về các hoạt động khoa học công nghệ, kinh tế số, nhấn mạnh sự khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đổi mới mô hình kinh doanh trong phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng linh hoạt công nghệ số, quản trị số để tạo ra các giá trị mới, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, đảm bảo tính phù hợp với nhua cầu của khách hàng, vận dụng nền tảng kết nối với khách hàng ở bất cứ nơi đâu, kết nối người bán và người mua thông qua nền tảng công nghệ số,... Trong thời gian qua, tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể vận dụng các nền tảng công nghệ để bán hàng, có sự đổi mới mô hình kinh doanh trong hoạt động kinh doanh số, tuy nhiên sự tiếp cận và đổi mới đó còn khiêm tốn, hạn chế.

Thời gian qua, việc thanh toán điện tử trên địa bàn xã đang ngày càng phổ biến, sự phát triển nhanh chóng của các giao dịch trực tuyến, hình thức quét mã thanh toán được doanh nghiệp và người dân áp dụng rộng rãi, ước khoảng trên 70% người dân đã dần bỏ đi thói quen thanh toán tiền mặt, chuyển sang hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

**2. Xã hội số**

UBND xã đã chỉ đạo Công an xã tiếp tục hướng dẫn công dân đủ từ 14 tuổi trở lên trong toàn xã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2; tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 cho công dân tích hợp giấy tờ, nhằm thuận tiên trong việc giao dịch, thực hiện thủ tục và nộp hồ sơ trực tuyến của công dân; đã kích hoạt định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 được 87,5%; tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán đạt 88,3%; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ số trong y tế, giáo dục, an sinh xã hội ngày càng tăng (nộp học phí online, hồ sơ khám sức khỏe điện tử,...).

**V. AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG, AN TOÀN DỮ LIỆU**

UBND xã Đại Đồng luôn sâu sát trong công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, thường xuyên rà soát hạ tầng máy móc thiết bị, phần mềm phòng, chống mã độc, cụ thể:

- Đã triển khai cài đặt phần mềm phòng chống mã độc (BKAV, SMART IR, Kaspersky); đã rà soát, đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ, tiếp tục cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc SMART IR cho 100% máy tính thuộc các phòng, ban, đơn vị xã (do phần mềm cũ đã sắp hết hạn); đã hoàn thành rà soát, đăng ký về bản quyền window, office cho toàn bộ hệ thống máy tính của 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc xã vào năm 2027.

- Tham gia tập huấn, diễn tập thực chiến theo triệu tập của cấp trên.

- Đã ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng hệ thống mạng thông tin xã Đại Đồng;

- Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 25/5/2026 về việc đề nghị Công an tỉnh phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin mạng nội bộ (mạng LAN) cấp độ 2 tại UBND xã Đại Đồng, kèm theo Hồ sơ cấp độ của xã Đại Đồng. Đã được Công an tỉnh phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn cho hệ thống thông tin, an ninh mạng xã; đã ban hành quy chế đảm bảo an toàn thông tin cho 04 hệ thống thông tin cốt lõi của xã (Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành; Cổng thông tin điện tử xã; hệ thống một cửa; hệ thống cổng dịch vụ liên thông các bộ, ngành).

- Từ ngày 01/7/2025 đến 30/9/2026, trên địa bàn xã chưa ghi nhận phát sinh sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng nghiêm trọng.

## PHẦN 2

## KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, NGUYÊN NHÂN, GIẢI PHÁP

**1. Khó khăn, tồn tại, hạn chế**

- Nguồn nhân lực cho công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thiếu, chưa có cán bộ chuyên trách, hiện nay đang là đồng chí Phó trưởng phòng Văn hóa - Xã hội trực tiếp chuyên trách thực hiện nhiệm vụ. Còn tình trạng một số nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số chưa được kịp thời, đồng bộ, đôi lúc đạt hiệu quả chưa cao.

- Tốc độ xử lý của hệ thống Cổng DVCQG nhiều lúc xử lý chậm; Tình trạng treo trang, không truy cập được vẫn còn xảy ra; Tốc độ tải biểu mẫu, đính kèm hồ sơ còn chậm dẫn đến việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến bị kéo dài thời gian.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân vẫn đang đối mặt với những rủi ro; một số cơ quan, đơn vị, cá nhân còn hạn chế trong việc khai thác dữ liệu dùng chung, sử dụng trợ lý ảo (AI) và các ứng dụng hỗ trợ khác còn hạn chế.

**2. Nguyên nhân**

*** Nguyên nhân khách quan**

- Do xã mới được sáp nhập, thành lập, chính thức hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025 với nguồn nhân lực chưa đồng đều, chưa có nhân lực được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin, an ninh mạng. Sau sáp nhập, theo phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, khối lượng nhiệm vụ công việc của xã mới nhiều, quá tải, thời hạn xử lý, hoàn thành ngắn với độ khó của công việc ngày càng đòi hỏi cao hơn, nhiều nhiệm vụ được giao hỏa tốc và phát sinh gấp, trong khi số lượng cán bộ, công chức, viên chức được tạm giao theo định biên thì hạn chế, có nhiều nhiệm vụ, vị trí việc làm thiếu công chức chuyên trách thực hiện, có những cán bộ, công chức phải gồng gánh, kiêm nhiệm mấy vị trí việc làm, ... dễ ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng của nguồn sản phẩm đầu ra. Công cuộc tinh gọn bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp với tổng số biên chế về công chức, viên chức theo định biên cụ thể, nên hiện tại chưa thể tuyển dụng công chức chuyên trách về công nghệ thông tin, dẫn đến nguồn nhân lực cho công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thiếu, hiện nay đang giao đồng chí Phó trưởng phòng Văn hóa - Xã hội chuyên trách trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Hiện tại, đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, khối lượng, số lượng công việc, nhiệm vụ nhiều, độ khó công việc cao, thời hạn xử lý thực thi nhiệm vụ ngắn (ít), thậm chí có nhiều nhiệm vụ đột xuất, phát sinh, hỏa tốc

- Cơ sở hạ tầng CNTT, cơ sở vật chất, hệ thống máy móc đôi khi vẫn gặp trục trặc trong quá trình vận hành, khai thác. Việc cung cấp, tiếp nhận và xử lý các thủ tục trên Cổng dịch vụ công trực tuyến đôi khi chưa thông suốt, nhanh, kịp thời.

- Kinh phí để đầu tư cho các hoạt động khoa học công nghệ và chuyển đổi số đòi hỏi là rất lớn, trong khi nguồn ngân sách còn hạn chế, chưa đảm bảo tối thiểu 3% tổng chi ngân sách địa phương.

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Trình độ số, kỹ năng số, năng lực số, nhận thức số của một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động,... còn chưa đồng đều. Một số người dân khai thác, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số, hồ sơ trực tuyến còn hạn chế, chưa đạt hiệu quả đáp ứng yêu cầu.

- Công tác phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ giữa các phòng, ngành, đơn vị, các đơn vị đầu mối đôi khi chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

- Kinh phí để đầu tư cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ và chuyển đổi số đòi hỏi là rất lớn, trong khi nguồn ngân sách còn hạn chế (hệ thống chiếu sáng thông minh, camera an ninh, hệ thống thư việc cộng cộng thông minh, bản đồ số xã, hệ thống ra, vào thông minh,... chưa có kinh phí thực hiện).

**3. Giải pháp**

- Tiếp tục bố trí kinh phí để đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin; hoàn thiện tích hợp, chia sẻ dữ liệu; mở rộng kết nối với CSDL quốc gia. Có kế hoạch tuyển dụng, bố trí nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ cho công tác tham mưu thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Tiếp tục đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của chính quyền bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh công tác rà soát, chuẩn hóa dữ liệu nhằm thực hiện đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành tối ưu hóa quy trình, giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo người dân chỉ kê khai thông tin một lần khi giải quyết các thủ tục hành chính.

- Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính. Tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu số hóa với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái sử dụng thông tin khi người dân, doanh nghiệp thực hiện các TTHC khác mà không phải cung cấp lại thông tin đã có.

- Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu, sử dụng hiệu quả Dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn cụ thể cho người dân, nhất là người lớn tuổi, người không rành công nghệ có thể nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Khi người dân nộp trực tuyến hồ sơ, các quy trình giải quyết hồ sơ, số hóa hồ sơ, số hóa kết quả sẽ rất nhanh và hiệu quả, giảm áp lực cho cán bộ tiếp nhận và xử lý hồ sơ.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, xác định nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ năng số và vận hành hệ thống thông tin mới của cán bộ, công chức, viên chức theo từng lĩnh vực, cấp hành chính và nhóm đối tượng sử dụng; Xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn và báo cáo kết quả đào tạo để làm cơ sở đánh giá kết quả chuyển đổi số hằng năm và đề xuất kế hoạch đào tạo bổ sung trong giai đoạn tiếp theo.

## PHẦN 3
## ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

**1. Đề nghị HĐND&UBND tỉnh**: Tiếp tục xem xét, bổ sung, kiện toàn cơ chế chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; thiết thực triển khai hỗ trợ cho người trực tiếp đảm nhiệm nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị định của chính phủ.

**2. Đề nghị sở Khoa học và Công nghệ**

+ Tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cơ sở, nhất là người trực tiếp phụ trách công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chủ động rà soát, tổng hợp, lập biểu danh sách những nhiệm vụ cụ thể giao cho cấp xã, phường chủ trì thực hiện, đảm bảo tính đồng bộ, xuyên suốt, dễ thực hiện, dễ theo dõi, dễ tổng hợp báo cáo.

+ Tiếp tục nghiên cứu, xem xét, tham mưu bố trí kinh phí dành cho công tác phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhằm triển khai các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số một cách đồng bộ, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về Chuyển đổi số để thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Đại Đồng giai đoạn 2024-2026, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG THUẬN YÊN

**Trần Văn Thành**